

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG TẠI QUẢNG NAM

SOLUTIONS TO THE PRESERVATION AND DEVELOPMENT OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN QUANG NAM

Nguyễn Minh Phương¹, Đồng Thị Hương²

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; nmphuong@ued.udn.vn

²Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng; dongthihuongdn@gmail.com

Tóm tắt - Làng nghề thủ công có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, làng nghề thủ công thể hiện dấu ấn đậm nét trong nền văn hóa dân tộc, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa vùng miền trong bức tranh đa sắc màu của văn hóa Việt Nam. Các làng nghề thủ công sớm hình thành và phát triển tại Quảng Nam. Vùng đất này được mệnh danh “xứ trăm nghề”. Tuy nhiên, các làng nghề thủ công nơi đây đang bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế - xã hội thời hiện đại. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công, góp phần vào sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào đáp ứng yêu cầu này. Với việc kế thừa các công trình đã được công bố và quá trình nghiên cứu thực địa, bài viết này giải quyết vấn đề đặt ra trên đây.

Từ khóa - Bảo tồn; phát triển; làng nghề thủ công; Quảng Nam; xứ trăm nghề

Abstract - Traditional craft villages play an important role in Vietnam's economy. In addition, they have left bold imprints on the culture of the Vietnamese nation, contributing to the regional culture identity in the multi-colour picture of the Vietnamese culture. Traditional craft villages have experienced an age-old history of formation and development in Quang Nam, the so-called “land of hundreds of crafts”. However, these traditional craft villages are being affected by the current process of socio-economic development. This requires seeking to propose solutions for the preservation and development of craft villages, thereby facilitating the sustainable socio-economic growth and the conservation of traditional cultural values of the locality. Up to now, there has not been any study meeting the above requirements. Based on published previous studies and field trip results, this article is an attempt to address the problem raised above.

Key words - Preservation; development; craft villages; Quang Nam; land of hundreds of crafts

1. Mở đầu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở khảo sát, thống kê các làng nghề thủ công tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, bài viết khái quát thực trạng, đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công trên vùng đất này.

1.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Khảo sát và nghiên cứu các làng nghề thủ công tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Về thời gian: Nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay, sử dụng các số liệu liên quan đến kinh tế thủ công nghiệp trong vòng 5 năm gần đây do chính quyền địa phương cung cấp.

Về nội dung: Vai trò, tác động của làng nghề thủ công đối với tình hình kinh tế, xã hội và văn hóa địa phương. Thực trạng của các làng nghề thủ công trong giai đoạn hiện nay. Đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống tại Quảng Nam.

1.3. Nguồn tư liệu

- Bài viết khai thác các tư liệu có liên quan đã được công bố từ trước đến nay bao gồm các thư tịch, công trình khoa học, sách, báo, tạp chí.

- Nguồn tư liệu thu thập trong quá trình điền dã tại địa phương.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic là chủ yếu. Bên cạnh đó, sử dụng các phương pháp so sánh, thống kê, đối chiếu, phân tích, tổng hợp trên cơ sở khảo cứu các nguồn tài liệu văn bản, thực địa và phỏng vấn các nghệ nhân, lãnh đạo chính quyền địa phương. Đồng thời,

vận dụng phương pháp so sánh đồng đại, lịch đại để làm rõ các vấn đề nghiên cứu.

Các phương pháp trên được sử dụng kết hợp, bổ sung cho nhau trong quá trình khai thác tài liệu nhằm nghiên cứu các làng nghề thủ công tại Quảng Nam một cách khách quan, hệ thống và khoa học.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu về làng nghề thủ công tại Quảng Nam

Trong vài thập niên gần đây đã có nhiều công trình nghiên cứu về nghề và làng nghề thủ công xứ Quảng:

Nguyễn Bội Liên và các cộng sự [1], trình bày khá toàn diện về nghề đóng ghe bầu Quảng Nam từ nguồn gốc đến sự phát triển qua các thời kỳ. Qua đó, tái hiện đến sự phát triển hoạt động giao thương tại xứ Quảng cũng như tại Hội An. Sự phát triển của thủ công nghiệp thể hiện qua việc các mặt hàng thủ công tham gia vào quá trình trao đổi buôn bán trên những chuyến ghe bầu.

Phạm Hữu Đăng Đạt với hai tập sách [2], [3], đã khảo cứu một số nghề và làng nghề thủ công xứ Quảng nên lượng thông tin chứa đựng khá nhiều. Tuy nhiên, trong tác phẩm này, tác giả thể hiện và nguồn tư liệu được tiếp cận thông qua “kể chuyện” nên tư liệu mang tính dân gian, các mốc lịch sử, nhân vật không được thể hiện chính xác cụ thể.

Nguyễn Phước Tương [4], trình bày khá công phu về “Tổ nghề” cũng như quá trình ra đời và phát triển của nghề ươm tơ dệt lụa nổi tiếng xứ Quảng. Tuy nhiên, tác phẩm viết theo lối kể chuyện giai thoại về người truyền nghề nên cần phải kiểm chứng thông tin qua những tư liệu lịch sử.

Hồ Vũ Thị Minh Châu [5], đã nghiên cứu về làng dệt

lụa Thi Lai.

Võ Văn Hòa, Hồ Tấn Tuấn. Lưu Anh Rô [6], đề cập đến văn hóa Quảng Nam – Đà Nẵng trong đó có văn hóa làng nghề: một số làng nghề tiêu biểu, tín ngưỡng tổ nghề, sinh hoạt văn hóa tại làng nghề...

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An [7], đã giới thiệu khá đầy đủ về nghề truyền thống tại Hội An. Nhóm tác giả tiếp cận khá nhiều tư liệu về các nghề truyền thống tại Hội An.

Hàn Thị Thảo [8], nghiên cứu khá sâu về làng gốm Thanh Hà từ năm 2000 – 2008, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển nghề gốm truyền thống.

Hội văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng [9], là tác phẩm đầu tiên đã trình bày một cách khá đầy đủ về nghề và làng nghề thủ công đất Quảng, cung cấp rất nhiều thông tin và tư liệu có giá trị trong quá trình nghiên cứu.

Nguyễn Thanh Lợi [10], đã đi sâu trình bày đặc trưng ghe bầu Quảng Nam. Đặc biệt, tác giả đã trình bày ghe bầu Quảng Nam đã buôn bán ngược xuôi Bắc – Nam sang tận Nam Vang, Miến Điện, Xiêm La, Singapore... Trên hành trình xuôi ngược của “*các lái*” trên những chuyến ghe bầu có các sản phẩm thủ công nổi tiếng như gốm Thanh Hà, chiếu Bàn Thạch...

Nguyễn Minh Phương [11], nghiên cứu công phu về thủ công nghiệp xứ Quảng thời Nhà Nguyễn. Qua đó, tác giả có cái nhìn đối sánh về thủ công nghiệp xứ Quảng trong giai đoạn hiện nay và đề xuất một vài giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển.

Với những công trình trên đây, nhóm tác giả có được nguồn tư liệu dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau về nghề và làng nghề thủ công truyền thống xứ Quảng. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu đề cập đến một số làng nghề cụ thể, không đánh giá một cách toàn diện về thực trạng hiện nay cũng như đề ra các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công.

2.2. Các công trình nghiên cứu về vấn đề bảo tồn và phát triển làng nghề thủ công tại Quảng Nam

Võ Văn Hòa [12], đã nghiên cứu sâu về nghề và làng nghề thủ công tại huyện Tiên Phước. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề tại địa phương này.

Lê Thị Thu Hiền [13], đề xuất các giải pháp nhằm phát triển một số làng nghề tại Hội An theo hướng du lịch.

Song Anh [14], Trần Hiền [15], đã đánh giá một số thực trạng của làng nghề thủ công tại Quảng Nam.

Minh Trí [16], đã trình bày một số giải pháp của tỉnh Quảng Nam để phát triển các làng nghề thủ công.

Một số bài viết đăng trên báo Nhân Dân, báo Công thương, báo Văn hóa, báo Du lịch, báo Quảng Nam, báo Đà Nẵng, tạp chí Văn hóa – Du lịch... về khôi phục và phát triển truyền thống gắn với du lịch.

Các bài viết này đã nghiên cứu về thực trạng, các giải pháp cần thực hiện để duy trì phát triển làng nghề. Tuy nhiên, đa số các tác giả trình bày về giải pháp hiện nay đang được áp dụng, chú trọng đẩy mạnh phát triển du lịch làng nghề.

Như vậy, đến nay chưa có công trình nào khảo sát thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát

triển làng nghề tại Quảng Nam. Đây là nhiệm vụ mà bài viết này cần giải quyết trên cơ sở kế thừa các công trình trước đây và kết quả nghiên cứu thực địa.

3. Thực trạng về các làng nghề thủ công truyền thống Quảng Nam

Để giải quyết nội dung nghiên cứu, nhóm tác giả tiếp cận hai khái niệm “*nghề thủ công truyền thống*” và “*làng nghề thủ công truyền thống*”.

Nghề thủ công là lĩnh vực hoạt động chủ yếu lao động chân tay, tạo ra những vật dụng dùng trong sinh hoạt, hay chế biến một số sản phẩm từ nông nghiệp, chế biến những sản phẩm mang tính nghệ thuật. Khái niệm về nghề thủ công hay nghề thủ công truyền thống bao gồm các nội dung: Là một nghề lâu đời được lưu truyền và có sức lan tỏa mạnh mẽ; Hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, bằng chân tay và những công cụ thô sơ; Sản phẩm vừa có ý nghĩa kinh tế vừa mang những giá trị vật thể, phi vật thể phân ánh được lịch sử, văn hóa và xã hội.

Hiện nay vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về *làng nghề truyền thống* nhưng đa số đều tiếp cận cách hiểu: Làng nghề truyền thống là làng nghề làm nghề thủ công truyền thống được gọi tắt là *làng nghề*. Theo GS. Trần Quốc Vượng: “*Làng nghề là làng áo, tuy vẫn có trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhỏ (gà, lợn, trâu, bò...) cũng có một nghề phụ khác (thêu, rèn, đan lát...) song đã nổi trội một nghề có truyền, tinh xảo với một tầng lớp thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường (cơ cấu tổ chức), có ông trùm, ông phó cả cùng một số thợ và phó nhỏ, đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ “nhất định sinh ư nghệ”, “tư ư nghệ, nhất nghệ tinh nhất thân vinh”, sống chủ yếu bằng nghề đó và sản xuất ra những hàng thủ công, những mặt hàng có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng xung quanh với thị trường đô thị, thủ đô (Kẻ Chợ, Huế, Sài Gòn...) và tiến tới mở rộng ra cả nước và có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài*” [17, tr.16].

Như vậy, làng nghề là một thực thể được tồn tại ổn định về mặt địa lý, ổn định về nghề nghiệp hay một nhóm các nghề có mối liên hệ mật thiết với nhau để làm ra một sản phẩm, có bề dày lịch sử và tồn tại, lưu truyền trong dân gian.

Theo khảo sát của Hội Văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng [9] và quá trình nghiên cứu, đối sánh, thực địa, nhóm tác giả tổng hợp ở Quảng Nam hiện nay có trên 100 nghề và 44 làng nghề.

Rất nhiều làng nghề với những sản phẩm độc đáo, nổi tiếng trong nhiều thế kỷ qua như: Lụa Phú Bông, Mã Châu; Dâu tằm Đông Yên, Thi Lai, Giao Thủy; Gốm sứ Thanh Hà; Đúc đồng Phước Kiều; Mộc Kim Bông; Chiếu Triêm Tây, Bàn Thạch; Đường Báo An...

Ở một số địa phương, nhiều nghề truyền thống hiện nay không còn nữa: Nghề nung vôi, dâu tằm Giao Thủy, kẹp quế Tích Phước...

Một số làng nghề trước đây rất nổi tiếng nhưng hiện nay đang khó khăn, hoạt động “*cầm chừng*”, có nguy cơ bị mất đi: Nón là Giang Hòa (Đại Lộc), Xuyên Đông (Duy Xuyên), Diên Lộc (Quế Sơn); Đường Báo An (Điện Bàn); gốm Thăng Trà (Quế Sơn), Lò Nồi (Thăng Bình); Đan lờ Trung An (Đại Lộc); Cối xay Xuân Tây (Đại Lộc), Triều

Châu (Duy Xuyên); Nong, mùng Xuân Thái, Bình Phụng (Thăng Bình); Gàu giai Phước Tích (Quế Sơn); Giồng mây Mỹ Nam (Đại Lộc); Vồng cây ngô đồng tại Cù Lao Chàm (Hội An)... Các làng nghề này, hiện chỉ còn một vài người già gắn bó với nghề nhưng sản lượng và sản phẩm không nhiều, thậm chí cả năm chỉ làm một vài sản phẩm.

Một số làng nghề thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, phát triển theo hướng du lịch, thậm chí đẩy mạnh xuất khẩu đã vượt qua những khó khăn, ổn định và không ngừng phát triển. Đây là những mô hình đang được áp dụng, nhân rộng. Tiêu biểu như: Gốm Thanh Hà, mộc Kim Bồng, đèn lồng Hội An, bún Phương Hòa (Tam Kỳ), bánh tráng Đại Lộc...

Các làng nghề thủ công gặp khó khăn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

Do sự phát triển cuộc sống thời hiện đại, nhu cầu của xã hội đối với một số sản phẩm thủ công giảm: Nghề làm nón (ngày nay đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông), nghề đóng cối xay (ngày nay xay xát bằng máy móc), nghề làm gàu giai (thủy lợi được đầu tư, máy bơm nước tiện lợi), nghề làm thúng, mùng, nong nia (nhiều dụng cụ chứa đựng được sản xuất bằng máy móc), nung vôi (xi măng được sử dụng trong xây dựng)...

Ngày nay, với việc sản xuất theo phương thức công nghiệp, máy móc hiện đại, nhân công có trình độ cao đã tạo ra rất nhiều sản phẩm kiểu dáng đẹp, tiện lợi khi sử dụng, giá cả rẻ. Điều này dẫn đến một số dụng cụ chứa đựng bằng gốm, gỗ, nan tre bị cạnh tranh bởi đồ dùng bằng nhựa, nylon.

Do quá trình biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa, quá trình bảo vệ môi trường đã làm cho nguồn nguyên liệu bị thu hẹp, các làng nghề khó khăn về nguyên liệu để sản xuất: Đất làm gốm ở Thanh Hà, cây cối ở các làng dệt chiếu, mây ở các làng thất giồng...

Phần lớn thu nhập từ các nghề thủ công còn thấp, không đáp ứng cuộc sống của người lao động, trong khi muốn thực hiện được sản phẩm truyền thống phải làm việc thủ công nặng nhọc. Số người gắn bó với nghề thủ công ngày càng giảm.

Các sản phẩm thủ công truyền thống chủ yếu được các hộ gia đình sản xuất nhỏ lẻ, phương thức tiêu thụ theo hình thức trao đổi “chợ làng”, “chợ phiên”. Những người thợ giỏi, gắn bó với nghề lại là những người làm việc chính, không có điều kiện “tr duy kinh doanh”, mở rộng và đẩy mạnh sản xuất.

Một số rất ít các làng nghề đủ khả năng về vốn, nguồn lực, tiềm năng để phát triển mạnh theo hướng kinh doanh, mở rộng phạm vi sản xuất. Tuy nhiên, các làng nghề này cũng đối mặt với nhiều “nguy cơ” tiềm ẩn. Khi mạnh dần xuất khẩu sang nước ngoài nhưng không hiểu về bản quyền sở hữu trí tuệ, thuế, giá cả, không hiểu về “luật chơi”, không đáp ứng được yêu cầu khắc khe về chất lượng sẽ bị thua lỗ rất nặng, thậm chí bị kiện, bị phạt. Đây cũng là thực trạng chung trong quá trình xuất khẩu hàng hóa ở nước ta hiện nay. Theo Bộ Công Thương [18]: Trong 7 tháng đầu năm 2019, Việt Nam đã xuất khẩu gỗ và lâm sản đến hơn 128 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch đạt 6,05 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc là những thị trường xuất khẩu chủ yếu, đạt

5,3 tỷ USD, chiếm 87,7% giá trị xuất khẩu lâm sản. Mới đây, Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) đã đưa ra danh sách 13 sản phẩm có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại hoặc điều tra chống lẩn tránh thuế của các thị trường lớn như Mỹ, châu Âu và Canada. Trong đó, gỗ dán bị cảnh báo mức độ 4 là mức độ cao nhất. Theo ông Nguyễn Quốc Trị, Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp: “*điều này sẽ rất nguy hiểm, gây tổn hại lớn đến ngành gỗ nếu chính quyền Mỹ đánh giá việc gian lận xuất xứ hàng hóa của Việt Nam là nghiêm trọng và từ đó có những chính sách trừng phạt ngành gỗ của Việt Nam tương tự như ngành thép trong thời gian qua*”.

Nghề gốm Thanh Hà đã xuất khẩu sang Pháp, Canada, Hoa Kỳ nhưng gặp rất nhiều khó khăn nhất là đối mặt với việc cạnh tranh từ hàng gốm sứ Trung Quốc, Nhật Bản. Nghề thủ công này cũng đã từng bị “*giả nhân hiệu*” gây nhiều thiệt hại.

4. Vai trò của làng nghề thủ công đối với kinh tế, xã hội, văn hóa xứ Quảng

4.1. Đối với kinh tế

Từ bao đời nay, cha ông ta đã biết kết hợp giữa nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp vừa để phục vụ thiết yếu cho đời sống sinh hoạt, vừa đảm bảo sản xuất và kinh tế ngày một phát triển.

Đối với các làng nghề phát triển nhỏ lẻ, thợ thủ công đồng thời là người nông dân, các gia đình nông dân làm ruộng và làm thêm nghề thủ công. Các làng nghề đã giải quyết được việc làm cho nguồn lao động trong lúc nông nhàn. Thu nhập của những hộ gia đình tham gia sản xuất thủ công cao hơn so với các hộ thuần nông.

Đối với các làng nghề thủ công tiêu biểu, phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh lớn, đặc biệt phát triển du lịch đã mang lại nguồn thu cho địa phương, thu hút nguồn lao động rất lớn. Theo ông Hồ Tấn Cường – Phó Giám đốc Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh Quảng Nam: “*các làng nghề đã thu hút hơn 7.500 hộ tham gia và tạo việc làm cho 16 nghìn lao động tại địa phương. Hiện có 20 làng nghề, 07 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với phát triển du lịch đang có nhiều khởi sắc. Thực tế cho thấy, một số sản phẩm tour du lịch như: Một ngày làm cư dân phố cổ, một ngày làm cư dân làng nghề đèn lồng, đêm rằm phố cổ Hội An, phố không có tiếng động cơ, tham quan làng rau Trà Quế, mộc Kim Bồng,...* đã thu hút du khách, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân. Du khách đến tham quan các làng nghề tăng lên rõ rệt, năm 2013 ước tính khoảng 100 nghìn lượt khách đến các làng nghề, trong đó, khách quốc tế chiếm khoảng 90%. Chỉ tính riêng bảy cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với phát triển du lịch tại các địa phương, mỗi năm đã mang lại doanh thu gần 200 tỷ đồng, chiếm 10% tổng doanh thu của hoạt động các làng nghề truyền thống toàn tỉnh” [19].

Thanh Hà là làng nghề thủ công tiêu biểu nhất cho mô hình phát triển hướng du lịch làng nghề. Gần 100 lao động, 23 hộ gia đình trực tiếp tham gia vào công việc sản xuất gốm, ngoài ra số lao động thời vụ tham gia các công việc gián tiếp hoặc có liên quan đến ngành gốm cũng chiếm số lượng rất lớn. Theo đánh giá của ông Nguyễn Hào, phụ trách kinh tế của Ủy ban nhân dân phường Thanh Hà, nghề

gồm đã góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương, từ khi nghề gốm hồi phục và trong từng giai đoạn phát triển, đã làm thay đổi bộ mặt của làng quê Thanh Hà. Trong những năm gần đây, lượng khách đến tham quan làng gốm Thanh Hà tăng đáng kể, trên 300.000 lượt khách/năm. Doanh thu hàng năm đạt từ 6 – 8 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất gốm chiếm 50%. Lao động làng nghề không chỉ có thu nhập từ bán sản phẩm mà còn tăng thêm từ hoạt động trình diễn nghề, nguồn trích lại từ doanh thu bán vé tham quan... Riêng năm 2018 vừa qua, làng gốm đón hơn 540 nghìn lượt khách tham quan, tăng 45% so với năm 2017, chiếm số đông là khách Hàn Quốc. Doanh thu nhờ vậy cũng tăng đột biến. Riêng tiền bán vé tham quan làng gốm năm vừa rồi đạt hơn 16,5 tỷ đồng, tăng 84% so với năm trước. *“Với nguồn vé tham quan năm 2018 vừa rồi thì mỗi nghệ nhân làng gốm được trả mỗi tháng 8 triệu đồng. Do đó người ta hoàn toàn sống bằng nghề và giữ nghề”*, ông Nguyễn Văn Sơn – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hội An cho biết.

Làng mộc Kim Bồng tương đối ổn định với 32 cơ sở sản xuất và 91 lao động, doanh thu hàng năm từ 7 đến 8 tỷ đồng. Hàng năm, làng nghề thủ công này đón trên 100.000 lượt khách tham quan, trải nghiệm, mua sắm.

4.2. Đối với xã hội

Các làng nghề thủ công đã giải quyết việc làm cho một bộ phận cư dân, góp phần nâng cao đời sống các hộ gia đình. Các hộ gia đình có điều kiện thoát nghèo, vươn lên về mặt kinh tế, sửa chữa trong gia đình, chăm lo con cái học hành.

Ông Huỳnh Tấn Triều – Giám đốc Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Quảng Nam trao đổi *“nhờ các làng nghề, cơ sở sản xuất thủ công, thanh niên có việc làm, giảm thời gian nhàn rỗi, tụ tập quậy phá, không vướng vào thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội, các gia đình êm ấm, xây dựng các làng văn hóa, góp phần thực hiện thành công chương trình nông thôn mới”*.

Các hộ sản xuất thủ công đã trang hoàng nhà cửa, các ngã đường, chung sức làm giao thông nông thôn, xây dựng các tuyến đường văn hóa, phát triển các gian hàng buôn bán sản phẩm... làm cho làng quê sạch đẹp, bộ mặt nông thôn thay đổi.

Các làng nghề với lòng tôn kính tổ nghề, sự gìn giữ bí quyết, đạo đức nghề nghiệp, các yếu tố tâm linh, tinh thần *“đồng nghiệp”*, *“đồng môn”* như một sợi dây vô hình đã gắn kết những người cùng chung *“phường hội”*. Bên cạnh đó, sự gắn kết của các thành viên, các hộ gia đình trong sản xuất, kinh doanh tạo nên tinh cảm bền chặt, chung tay gìn giữ nét đẹp làng quê, tạo nên một môi trường thấm đẫm lòng yêu thương, chan chứa tình người.

4.3. Đối với văn hóa

4.3.1. Góp phần bảo tồn những giá trị tri thức bản địa

Thủ công nghiệp là một yếu tố quan trọng của văn hóa Việt Nam. Các nghề và làng nghề truyền thống trải qua một quá trình hình thành và phát triển, là sự tiếp nối của bao thế hệ, nên chứa đựng nhiều giá trị về mặt vật chất và tinh thần, góp phần đem lại những giá trị tri thức bản địa. Giá trị tri thức bản địa là những kỹ thuật, kinh nghiệm quý báu, bí quyết nghề nghiệp, được tổ nghề và các thế hệ đi trước đã hun đúc trong quá trình sản xuất, tìm ra những nguyên vật

liệu, không ngừng cải tiến kỹ thuật, tạo ra những kiểu dáng, mẫu mã mới bên cạnh chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao. Sự phát triển về kỹ thuật, sản phẩm vẫn dựa trên những yếu tố nền đã vun đắp từ trước. Hay nói cách khác, những tri thức bản địa được hình thành trong quá trình học hỏi từ truyền thống, sáng tạo những cái mới, vận dụng kết hợp cả hai yếu tố truyền thống và hiện đại nhưng vẫn giữ được những nét tinh anh của vùng đất này.

Nếu sản phẩm thủ công nghiệp là những tác phẩm nghệ thuật, thì những người thợ cần mẫn là những nghệ nhân đã thổi hồn vào trong mỗi tác phẩm nghệ thuật. Các sản phẩm được kết tinh từ sự nhiệt huyết, đam mê trong mỗi người thợ, nghệ nhân. Do đó, nghệ nhân cũng chính là một phần của tri thức bản địa. Với khối óc sáng tạo, đôi bàn tay khéo léo, đôi mắt thâm mỹ... vẫn chưa đủ điều kiện để làm nên một nghệ nhân thực thụ, ở họ còn phải chứa đựng tình yêu đối với nghề, sự đam mê cộng với những bí quyết, kinh nghiệm được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thì mới có thể trở thành những người kế nghiệp xứng đáng với tổ nghề. Để nghề tồn tại và phát triển, các nghệ nhân không ngừng tư duy, sáng tạo làm cho sản phẩm phong phú hơn về mẫu mã, kiểu dáng, hoa văn, họa tiết đẹp hơn, chất lượng tốt hơn... Có như vậy, họ mới có thể cống hiến hết mình cho sự phát triển của nghề, góp phần làm nên kho tàng văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

4.3.2. Góp phần làm phong phú lễ hội địa phương

Các làng nghề thủ công ở Quảng Nam - Đà Nẵng luôn lưu giữ truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam *“ăn quả nhớ kẻ trồng cây”*, *“uống nước nhớ nguồn”*. Điều này thể hiện lòng thành kính đối với tổ nghề và các bậc tiền nhân đã dày công vun đắp. Các làng nghề đều lưu giữ gốc tích, xuất xứ của nghề, ông tổ làng nghề, người có công truyền bá, dạy nghề cho làng. Tại các làng làm mắm, vào tiết tháng 3 âm lịch hằng năm, con cháu các họ tộc cùng làm nghề cá tổ chức ngày giỗ tổ để ghi nhớ công đức tiên hiền và làm lễ cầu an cho mùa đánh bắt, mùa làm mắm. Thông qua hội làng, con cháu tưởng nhớ tổ tiên, tưởng nhớ những vị khai sinh lập địa, truyền dạy nghề cho làng. Nghi lễ trong ngày giỗ tổ còn thể hiện văn hóa tâm linh, triết lý âm dương, khát vọng về sự dung hợp giữa trời – đất – người trong vũ trụ bao la. Hội làng là hoạt động văn hóa tạo nên nét đặc trưng của các làng nghề thủ công. Hằng năm, vào ngày 20 tháng Giêng, con cháu làng nghề đức đồng Phước Kiều dù sinh sống nơi đâu cũng tìm về dự ngày giỗ tổ, bày tỏ lòng thành kính của mình đối với tổ nghề. Nhà thờ tổ được xây dựng từ lâu đã được tu bổ nhiều lần và vẫn giữ nguyên bản bản thờ cổ. *“Bản thờ chính điện có bài vị “Cửu Thiên Huyền nữ” là người làm ra thức đo làm nghề, bài vị “Không Lộ giác hy” là người đầu tiên pha nấu đồng, bài vị “Lịch đời bốn tổ sư” là ông thầy dạy nghề”* [2, tr. 14]. Hai bản thờ hai bên, mỗi bản 5 bài vị thờ mười tộc họ nghề đức đồng Phước Kiều... Hầu hết các làng nghề đều có nhà thờ, đều có ngày cúng tổ nghề hay còn gọi là lễ giỗ tổ.

Lễ giỗ tổ là ngày thiêng liêng nhất, có nơi kéo dài đến vài ngày, đông vui đầm ấm. Trong ngày này, các tộc họ hay những hộ nghề chọn đưa các sản phẩm độc đáo để trình nghề như một cuộc sát hạch kỹ thuật tay nghề và có khen thưởng. *“Các ngã đường làng và nhà thờ treo cờ, phướn. Trong chương trình có phần hội với những sinh*

hoạt động vui, náo nhiệt, thắm tình đoàn kết” [9. Tr. 488].

Lễ giỗ tổ của các làng nghề là nét đẹp văn hóa. “Lễ” luôn đi kèm “hội” với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, thể hiện nét đặc sắc của làng nghề. Lễ giỗ tổ nghề đúc đồng Phước Kiều, gốm Thanh Hà là lễ hội lớn nhất, tiêu biểu nhất của làng quê này.

Đối với các làng, xã có nhiều ngành kinh tế, có nhiều lễ hội như lễ hội xuống đồng, lễ hội cầu ngư, lễ hội cầu mưa... cùng với lễ hội của các nghề thủ công làm phong phú các hoạt động lễ hội tại địa phương.

Trong một địa phương, dân cư sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau, các gia đình sẽ tham gia vào các lễ hội gắn với nghề nghiệp của gia đình mình. Tuy nhiên, nét chung là các gia đình tuy sống bằng nghề khác nhau nhưng cùng chung “Tiền hiền”, “Thành hoàng” nên các lễ hội bao giờ cũng bắt đầu lễ tưởng nhớ Thành hoàng. Cả làng sẽ có “lễ chung”. Mặc khác, các lễ hội đều diễn ra trong không gian của làng nên lễ hội là sự quy tụ của tất cả các thành viên sinh sống trong làng tham gia.

4.3.3. Sự gắn kết, giữ gìn tâm hồn những người con xa quê

Những người con lớn lên, vì một lý do nào đó phải xa quê nhưng đối với người Việt “ly thân bất ly hương”, mặc dù phải xa rời nơi chôn nhau cắt rốn nhưng tâm hồn vẫn luôn nhớ về cố hương. Người Quảng xa quê nhớ nhất là mỹ Quảng, Mỹ Phú Chiêm, bún Chợ Chùa, đường bát Gò Nổi... “Bữa nay đợi bún chợ Chùa; Đợi mắm Nam Ô đợi của làng Gành”. Hay nhớ về những lễ hội, nhớ ngày giỗ tổ nghề... Các gia đình nhắc nhở con cháu nhớ về cội nguồn, truyền thống quê hương, không ngừng vươn lên trong cuộc sống.

Đặc biệt, trong những đợt bão lũ, thiên tai, đã chung tay góp sức xoa dịu nỗi đau, hỗ trợ quê xây dựng nhà tình nghĩa, quỹ khuyến học, xóa đói giảm nghèo... Chỉ riêng trong năm 2019, những người con Quảng Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện chương trình “xây tặng nhà đại đoàn kết, nhân ái” cho người nghèo được nhiều doanh nhân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia gồm 32 căn nhà với tổng số tiền ủng hộ trong buổi gặp mặt gần 4 tỷ đồng. Tết âm lịch 2019, Ban Liên lạc sinh viên Quảng Nam tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chương trình “Mang xuân về vùng cao Nam - Bắc Trà My 2019” với hơn 300 suất quà được trao tận tay người dân 2 huyện; Các công trình thanh niên xây dựng tại Bắc Trà My với tổng kinh phí gần 200 triệu đồng; trao lì xì cho các bệnh nhân nhí tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam đêm giao thừa.

Một số nơi, người con xứ Quảng mang theo cả các nghề thủ công truyền thống nơi quê nhà phát triển trên vùng đất mới. Tiêu biểu như nghề dệt vải Đông Yên, Thi Lai đã phát triển cơ sở Bầy Hiền, Gò Vấp tại thành phố Hồ Chí Minh, nghề đá Non Nước đã vào tận Khánh Hòa để phát triển tại đây làng nghề đá hoa cương rất nổi tiếng. Ở khắp các tỉnh thành, món Mỳ Quảng được chế biến “kiểu Quảng” với hương vị, gạo, rau, gia vị, bánh tráng được chuyển từ Quảng Nam vào. Tại thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng có “Hội Quán Quảng Đà” do người Quảng Nam – Đà Nẵng đứng ra kinh doanh các món ăn xứ Quảng. Nhân công lao động trong Hội quán chủ yếu là người Quảng Nam – Đà Nẵng, đặc biệt là sinh viên làm thêm để trang trải học hành. Hội quán trích lợi nhuận để hỗ trợ cho sinh viên nghèo, quỹ khuyến học,

quỹ xóa đói giảm nghèo của quê hương.

Những người xuất thân từ các làng nghề luôn nhớ về tổ nghề. Hằng năm, họ về quê tham gia lễ cúng tổ nghề, tham gia lễ hội làng nghề, trưng bày các sản phẩm tiêu biểu do mình sản xuất. Qua đó bồi đắp cho con cháu tình yêu quê hương, cội nguồn.

5. Một số đề xuất nhằm bảo tồn và phát triển thủ công nghiệp truyền thống xứ Quảng

Để có thể giữ lại nét đẹp hồn quê, những nét tinh anh của các làng nghề, chính quyền địa phương cần đầu tư, đề ra các giải pháp để gìn giữ khôi phục các nghề truyền thống. Để làm được điều này, chính quyền địa phương cần tập trung các nội dung sau:

5.1. Giải quyết nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu là một trong những nhân tố quyết định sự ra đời và phát triển của các nghề, làng thủ công. Hầu hết các nghề và làng nghề ra đời dựa trên nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Hiện nay, đa số các nghề thủ công tại Quảng Nam gặp khó khăn về nguyên liệu.

Theo Đề án Phát triển làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam [20]: “Tình sẽ hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu (đay, cối, dâu tằm)”. Đây là tín hiệu rất vui đối với các làng nghề thủ công. Tinh quyết tâm khôi phục nghề dệt lụa Quảng Nam vốn “vang tiếng một thời”, được mệnh danh “xứ Tằm tang”. Tuy nhiên, do thực hiện từng bước nên đề án này mới chỉ xây dựng đối với nghề ươm tơ dệt lụa, trong khi rất nhiều nghề thủ công khác cũng cần được đầu tư.

Để giúp cho các nghề và cơ sở sản xuất thủ công giải quyết được sự khó khăn trong nguyên liệu, lãnh đạo chính quyền cần rà soát, thông kê lại các nguồn nguyên liệu hiện có, mức độ đáp ứng nhu cầu của các làng nghề. Từ đó, hỗ trợ, khuyến khích việc duy trì, khôi phục các vùng nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp với một số tỉnh thành khác để chia sẻ, cung ứng, giải quyết sự khan hiếm về nguồn nguyên liệu tại chỗ.

5.2. Phát huy vai trò của nghệ nhân truyền nghề

Từ ngàn xưa, cha ông ta đã đúc kết “không thầy đố mày làm nên”. Đối với thủ công nghiệp, vai trò người nghệ nhân truyền nghề vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, trong tình hình kinh tế thị trường, thu nhập từ các nghề thủ công còn thấp nên nhiều người trẻ không mặn mà với các nghề thủ công. Tổng số lao động trong làng nghề là 5.981 lao động, chủ yếu là lao động nữ và độ tuổi trung niên, lớn tuổi. Lao động trẻ (dưới 35 tuổi) rất ít, tập trung chủ yếu ở Làng nghề mộc Kim Bồng. Hiện nay, nghề gốm Thanh Hà có khoảng 100 người làm gốm. Trong đó, 40% số người đã trên 50 tuổi, chỉ có 3 thợ chuốt ở tuổi 20 – 40, 2 thợ lò chuyên nghiệp ở tuổi dưới 50. Tại làng mộc Kim Bồng, hiện nay chỉ có 1 Nghệ nhân nhân dân cấp Nhà nước, 1 Nghệ nhân ưu tú cấp Nhà nước và 1 thợ giỏi.

Điều này cho thấy, áp lực về nhân lực trẻ kế thừa nghề tại các làng nghề là rất lớn. Cần phải phát huy những người thợ lành nghề, những bậc cao niên, những nghệ nhân nắm giữ những bí quyết, kinh nghiệm được tích lũy từ bao đời. Nếu không, dần dần các nghề thủ công sẽ thất truyền, mai một rồi mất đi.

Những năm gần đây, nhà nước đã có chính sách phong

tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân, bàn tay vàng... nhằm tôn vinh những nghệ nhân có nhiều đóng góp. Song như vậy vẫn chưa đủ, phải có chính sách hỗ trợ, để những nghệ nhân, người thợ cao niên dù điều kiện về cuộc sống cơ bản chuyên tâm truyền nghề cho lớp trẻ, tạo ra những thế hệ tiếp nối.

Tập trung nghiên cứu, phát hành các ấn phẩm về các nghề thủ công truyền thống để phát hành rộng rãi cho thế hệ trẻ có đam mê theo học và cũng để gìn giữ khi các nghệ nhân, bậc thợ cao niên ngày càng ít đi.

5.3. Chú trọng việc đào tạo nghề cho thế hệ trẻ

Hiện nay đang diễn ra nghịch lý là lớp trẻ thất nghiệp ngày càng nhiều, cùng với đó là các vấn đề về xã hội, trong khi các nghề thủ công truyền thống lại không có người kế nghiệp, mai một, nguy cơ biến mất.

Để giải quyết nghịch lý này, nhà nước cần có chính sách đưa các nghề thủ công vào đào tạo trong các cơ sở dạy nghề, phát huy vai trò của các nghệ nhân, bậc thợ cao niên để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng tham gia các nghề thủ công. Thực hiện được điều này vừa tạo nguồn việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp, dư dôi lao động vừa gìn giữ được các nghề thủ công truyền thống. Một số làng nghề, cơ sở sản xuất thủ công có hướng sản xuất phù hợp nên vẫn phát triển tốt, tạo được nguồn lao động, những mô hình này cần được nhân rộng, tạo điều kiện giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm. “*Cần tuyển chọn bồi dưỡng những lao động có tay nghề cao, để đào tạo họ sớm trở thành nghệ nhân của làng nghề; Khuyến khích nghệ nhân mở lớp truyền nghề, đào tạo thợ lành nghề, giáo viên dạy nghề và người thiết kế mẫu trong các làng nghề*” [13, tr. 91-92]. Quảng Nam đặt mục tiêu đến năm 2020 “100% làng nghề có lao động được đào tạo qua các nghiệp vụ”. Theo nhóm tác giả, sản phẩm làng nghề hướng đến du lịch, xuất khẩu nên 100% lao động phải được qua đào tạo với nhiều hình thức khác nhau.

Các nghề thủ công truyền thống chưa thu hút nhiều nguồn lao động trẻ là thu nhập mang lại chưa cao “*Mức thu nhập bình quân chung/lao động/tháng năm 2016 thấp, dao động từ 0,5 triệu đồng đến khoảng 6 triệu đồng. Số làng nghề mà người lao động có mức thu nhập bình quân chung/lao động/tháng năm 2016 từ 3 triệu đồng trở xuống chiếm khoảng 60 %, tập trung ở những làng nghề dệt vải, dệt thổ cẩm, dệt chiếu cói, nón lá, đan lát, rèn, chế biến nước mắm*” [15]. Đề án phát triển làng nghề của tỉnh cũng mới chỉ hướng đến “*nâng mức thu nhập các hộ hoạt động làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch từ 1 - 2 lần so với sản xuất thuần nông*”.

5.4. Đầu tư vốn, tổ chức sản xuất

Đa số các làng nghề, cơ sở sản xuất thủ công hiện nay khó khăn trong nguồn vốn, trong khi muốn phát triển không thể tiếp tục theo phương thức nhỏ lẻ trước đây. Theo Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam [21], hiện nay, tổng số cơ sở sản xuất tham gia hoạt động ngành nghề tại các làng nghề là 3.005 cơ sở. Trong đó, doanh nghiệp: 05 (chiếm 0,17%); hợp tác xã: 04 (chiếm 0,13%), tự hạch toán: 07 (chiếm 0,23%); hộ làng nghề: 2.989 hộ (chiếm 99,47%).

Nhà nước cần có chính sách đầu tư vốn, hỗ trợ cho vay ưu đãi, trợ giá để các làng nghề có điều kiện vòng vốn đầu tư, mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, chính quyền địa

phương cùng với các chuyên gia sắp xếp lại, tìm ra hướng để các làng nghề tổ chức sản xuất theo một phương thức mới, mang lại hiệu quả, không để các làng nghề sản xuất với quy mô nhỏ lẻ, tự phát. Ngày 22/5/2018, UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt đề án “*Chương trình mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP) [22]: “*Trước mắt, mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng từ 1 đến 2 dự án phát triển sản phẩm trọng điểm nhằm khai thác thế mạnh của địa phương, các dự án phải tạo ra ít nhất 1 sản phẩm chủ lực và Nhà nước đầu tư cho mỗi dự án gần 10 tỷ đồng*”. Đây là một trong những bước đi ổn định trong thời gian đến.

Các làng nghề cần được quy hoạch thành các cụm, vùng, liên kết với nhau giống như cụm làng nghề Đông Khương (Điện Phương – Điện Bàn). Cụm làng nghề Đông Khương gắn với phát triển du lịch, có diện tích 7,3 ha, tổng mức đầu tư 38 tỷ đồng, được kỳ vọng sẽ là điểm nhấn hấp dẫn trên con đường kết nối hai di sản là phố cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn. Hiện tại, nhà nước đầu tư gần 20 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, một số chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền thuê đất... được áp dụng đã thu hút các làng nghề truyền thống đầu tư, sản xuất.

Ông Nguyễn Đức Chơi – Trưởng phòng Kinh tế thị xã Điện Bàn trao đổi “*đa số cơ sở thủ công mỹ nghệ có quy mô nhỏ nên theo tôi, cần phải xây dựng điểm tập trung để trưng bày, quảng bá giới thiệu sản phẩm đến du khách, gắn phát triển làng nghề với hoạt động du lịch. Đặc biệt, cần tập trung duy trì thường xuyên các chương trình khuyến công như: Đào tạo kỹ năng, cải tiến mẫu mã cũng như hỗ trợ máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, giảm giá thành sản xuất mới có thể cạnh tranh phát triển tốt được*”.

Với chiến lược phát triển thủ công nghiệp theo hướng xuất khẩu, chính quyền địa phương cần hỗ trợ các làng nghề đăng ký bản quyền, thương hiệu sản phẩm, phát minh sáng chế để giữ vững thương hiệu, chống lại sự giả mạo của các cơ sở cạnh tranh không lành mạnh trong và ngoài nước. Hiện nay, gồm Thanh Hà, một Kim Bồng đã được cấp chứng nhận bản quyền. Trong đó, gồm Thanh Hà vinh dự được Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào tháng 8/2019.

Ngoài ra, giúp cho cơ sở sản xuất tuân thủ luật chơi quốc tế, tuân thủ quy định chung về nhập khẩu, cạnh tranh, chống phá giá để không vi phạm.

5.5. Tìm đầu ra của sản phẩm, nghiên cứu thị hiếu của người dùng

Với sự phát triển của kinh tế thị trường, với sự tiến bộ trong kỹ thuật đã tạo ra rất nhiều sản phẩm chất lượng tốt, giá rẻ, các sản phẩm thủ công bị cạnh tranh gay gắt. Lãnh đạo chính quyền địa phương cần tiến hành một nghiên cứu nắm bắt thị hiếu, nhu cầu của thị trường, từ đó tìm đầu ra cho các sản phẩm thủ công. Các sản phẩm thủ công cần phải được quảng bá, giới thiệu, có mặt trên một thị trường rộng lớn, không chỉ bó hẹp trong các phiên chợ làng mang tính tự cung tự cấp.

Quảng Nam được mệnh danh “*xứ trăm nghề*” nhưng hiện nay tồn tại nghịch lý là một số làng nghề khó khăn trong tiêu thụ nhưng các chuyên gia kinh tế lại chỉ ra rằng: Hiện tại sản phẩm làng nghề đang tiêu thụ tại Quảng Nam, đa số được nhập từ các địa phương khác, thậm chí là của nước ngoài. Điều này cho thấy không có sự cân đối giữa

“cung” và “cầu”, dẫn đến tình trạng “*cần thì không có, có thì không cần*”. Vì thế, địa phương cần đầu tư tập trung vào sản phẩm chủ chốt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, bên cạnh việc mở rộng phạm vi tiêu thụ đáp ứng thị hiếu người dân các tỉnh thành khác cũng như xuất khẩu...

5.6. Xây dựng tuyến điểm du lịch, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu

Quảng Nam có tiềm năng lớn trong du lịch, đặc biệt nằm trong hành trình di sản miền Trung: Huế - Hội An - Mỹ Sơn. Bên cạnh các di tích, danh lam thắng cảnh, lễ hội nổi tiếng trong và ngoài nước, chính quyền địa phương cần nghiên cứu đưa các làng nghề, cơ sở sản xuất thủ công truyền thống vào tuyến điểm du lịch như đang thực hiện tại làng mộc Kim Bông, gốm Thanh Hà. Với cách thực hiện này, hình ảnh các làng nghề, cơ sở sản xuất sẽ được biết đến rộng rãi, các sản phẩm làm ra hướng đến mục tiêu phục vụ khách du lịch (nghề gốm Thanh Hà, lồng đèn Hội An thành công với mô hình này).

Các công ty du lịch xây dựng các tour du lịch làng nghề, tổ chức các hoạt động lễ hội, giao lưu, sinh hoạt tại làng nghề... Như vậy, các làng nghề sẽ mang một sức sống mới, sản phẩm có điều kiện tiêu thụ, mang lại nguồn thu, giúp các cơ sở sản xuất có điều kiện thu hồi vốn.

Các trường dạy nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học tổ chức cho sinh viên nhất là sinh viên khối ngành văn hóa, du lịch, xã hội nhân văn thực hiện các chuyến đi thực tế, tìm hiểu, nghiên cứu về các nghề và làng nghề thủ công truyền thống. Một mặt giúp cho sinh viên có góc nhìn đa chiều về các nghề và làng nghề thủ công truyền thống, mặt khác, góp phần quảng bá hiệu quả về hình ảnh các nghề, làng nghề.

Chính quyền tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng cần nhanh chóng hiện thực hóa dự án khơi thông dòng sông Cò Cò để đẩy mạnh phát triển du lịch. Các làng nghề nổi tiếng trước đây ven dòng sông Hàn, sông Thu Bồn, sông Vu Gia, sông Vĩnh Điện, Sông Hoài... sẽ hồi sinh, phát triển mạnh mẽ như đã từng phát triển vào các thế kỷ XVIII, XIX gắn với buổi thịnh thời của đô thị Hội An, phủ Điện Bàn, dinh trấn Thanh Chiêm. “*tiền cảng*” Đà Nẵng.

5.7. Sự liên kết, phối hợp giữa các địa phương

Từ các thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, Quảng Nam là địa phương có nền kinh tế thủ công phát triển vào hàng “*bậc nhất xứ Đàng Trong*”. Hiện nay, Quảng Nam là trung tâm của “*hành trình di sản*” với hai di sản thế giới là Hội An và Mỹ Sơn. Do vậy, tỉnh Quảng Nam cần chủ động, xây dựng các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh thành khác trong việc khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống. Một mặt trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ lẫn nhau, mặt khác sẽ cùng tìm ra hướng giải quyết về nguyên liệu, đầu ra của sản phẩm, cùng xây dựng các điểm tham quan du lịch trong các tour du lịch... Các nghề và làng nghề giữa các địa phương sẽ tạo nên một mạng lưới rộng khắp, cùng tồn tại và phát triển trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, thủ công nghiệp đối diện với muôn vàn khó khăn.

5.8. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường

Cùng với quá trình đô thị hóa, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, dân cư tập trung đông đúc, các cơ sở sản

xuất thủ công phải có biện pháp để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến an sinh xã hội. Các làng nghề, cơ sở sản xuất gặp khó khăn về nguyên liệu do ảnh hưởng đến môi trường như các làng đá mỹ nghệ không thể tiếp tục khai thác đá, nghề làm mộc không thể khai thác nguồn gỗ lâu năm như trước đây, nghề làm gốm không thể khai thác đất ở nhiều nơi... Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất không thể tách biệt khỏi làng nên chất thải, hơi bụi, phụ phẩm, tiếng ồn... ảnh hưởng đến môi trường.

Để khắc phục tình trạng này, chính quyền địa phương cần hướng dẫn, cung cấp kiến thức, kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo kế hoạch đã đề ra “*100% làng nghề, làng nghề truyền thống được hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện việc bảo vệ môi trường làng nghề*” [20].

Về lâu dài, với chiến lược phát triển thủ công nghiệp thành từng khu, từng cụm, phát triển du lịch, đẩy mạnh xuất khẩu, nhà nước và nhân dân cùng từng bước thực hiện lộ trình xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, phụ phẩm, phế phẩm...

5.9. Giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống khi phát triển làng nghề theo hướng hiện đại

Nói đến làng nghề thủ công là nói đến yếu tố truyền thống, nói đến nét đẹp văn hóa. Khi đưa làng nghề phát triển theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng cường lợi nhuận kinh doanh đi đôi với gìn giữ những giá trị truyền thống.

Trước hết, các làng nghề sử dụng kỹ thuật, máy móc hiện đại như nghề mộc dùng cưa xẻ, bào máy, máy tiện, nghề gốm dùng bàn xoay máy, nghề đá dùng máy cưa đá, khoan đá..., các máy móc góp phần giảm bớt nặng nhọc trong một số công đoạn. Nhưng những khâu then chốt, quyết định đến đặc trưng sản phẩm thì không thể thay thế bàn tay của các nghệ nhân như: Nghề gốm Thanh Hà không thể dùng máy để tạo phôi, chuốt gốm, tạo hoa văn; Nghề mộc không thể dùng máy để tạo dáng, chạm trổ; Nghề đúc chuông đồng, chuông đồng Phước Kiều không dùng máy để chỉnh dáng, chỉnh âm... bởi máy móc không thể thay người nghệ nhân “*thổi hồn*” vào sản phẩm.

Tín ngưỡng của các làng nghề là sợi chỉ hồng kết nối các thế hệ, tạo nên sức sống mãnh liệt của các làng nghề. Tín ngưỡng tổ nghề, lễ hội làng nghề là nét đẹp văn hóa cần phải được gìn giữ, cần phải kiên quyết loại bỏ sự len lỏi vào lễ hội những tệ nạn mê tín dị đoan, bói toán, cờ bạc, rượu chè...

Phát triển theo hướng kinh doanh, lợi nhuận nhưng giáo dục cho thế hệ trẻ không chạy theo lợi nhuận mà buông lỏng chất lượng sản phẩm, đánh mất thương hiệu, nét đặc trưng của nghề đã được kết tinh từ bao đời. Phải truyền lửa để thế hệ trẻ lao động bằng tình yêu, lòng tự hào, lấy đạo đức nghề nghiệp làm khuôn thước, làm nên giá trị của từng sản phẩm.

5.10. Xây dựng bảo tàng làng nghề

Quảng Nam là vùng đất có rất nhiều nghề, làng nghề thủ công nổi tiếng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có được một bảo tàng, nhà truyền thống hay nhà lưu niệm, nhà trưng bày về thủ công nghiệp. Vừa qua, tại làng gốm Thanh Hà đã xây dựng “*công viên đất nung*” vô cùng đặc sắc, góp phần đẩy mạnh du lịch tại Hội An, đưa làng nghề này phát triển theo một hướng mới.

Quảng Nam cần nhanh chóng đầu tư xây dựng một bảo

tàng, nhà truyền thống hay nhà lưu niệm, nhà trưng bày về thủ công nghiệp. “Nơi đây sẽ là nơi tập trung quy tụ những công trình nghiên cứu về thủ công nghiệp của vùng đất này, trưng bày những hình ảnh, những sản phẩm, những thành tựu về thủ công nghiệp và nơi đây cũng sẽ trở thành một trong những điểm du lịch” [11, tr. 174, 175]. Làm được điều này, chúng ta sẽ có điều kiện tập trung những nghiên cứu, có được nguồn tư liệu dồi dào về thủ công nghiệp của vùng đất này, giúp cho du khách, người dân nhất là thế hệ trẻ có cái nhìn tổng quan, đa chiều về sự phát triển của thủ công nghiệp địa phương qua những chặng đường lịch sử. Qua đó, góp phần gìn giữ nét đẹp tinh anh của văn hóa làng nghề, giáo dục thế hệ trẻ tiếp tục gắn bó với thủ công nghiệp vốn giàu truyền thống và đậm chất nhân văn. Nếu không thực hiện được điều này, những thành tựu rực rỡ của các nghề thủ công sẽ bị lãng quên, mất đi (đơn cử như trước đây rất nhiều làng nghề ở Quảng Nam được triều đình sắc phong nhưng hiện nay một số làng nghề không còn lưu giữ). Khi đó, dù có tập trung đầu tư, làm nhiều cách, chúng ta vẫn không thể nào khôi phục lại các làng nghề thủ công giống như trước đây.

6. Kết luận

Bắt luận ở thời điểm nào, dù quá khứ hay hiện tại, thủ công nghiệp vẫn luôn có vai trò và ảnh hưởng to lớn đối với kinh tế - văn hóa - xã hội.

Tại Quảng Nam, nhiều nghề thủ công sớm hình thành và phát triển cùng với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Thủ công nghiệp đã góp phần tạo nên nền kinh tế bền vững. Mặt khác, thủ công nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng tạo nên dấu ấn văn hóa xứ Quảng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa vùng miền trong bức tranh đa sắc màu của văn hóa Việt Nam.

Dưới tác động của mặt trái kinh tế thị trường, nhiều giá trị đạo đức, giá trị văn hóa bị ảnh hưởng. Con người tìm về với những làng nghề thủ công, nơi ấy lưu giữ những giá trị lâu đời của vùng đất giàu truyền thống này. Bên cạnh đó, làng nghề truyền thống góp phần tạo nên sức hút, phát triển du lịch, mở ra sự giao lưu, góp phần quảng bá hình ảnh Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung với bạn bè thế giới trong bối cảnh quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng.

Để có thể giữ lại nét đẹp hồn quê, với bao tinh anh mà bao thế hệ đã chất chiu, gìn giữ, chính quyền địa phương cần quan tâm, đầu tư, sử dụng các giải pháp đồng bộ nhằm gìn giữ, khôi phục và phát triển các nghề truyền thống.

Bản về giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở Quảng Nam, bà Saeko Noda – chuyên gia kinh tế cộng đồng của tổ chức cứu trợ - phát triển quốc tế (FIDR) cho rằng: “Ưu tiên hỗ trợ những kênh vốn vay ưu đãi để những hợp tác xã, chủ cơ sở đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm”, “cần tích cực hỗ trợ các đơn vị, cá nhân ở các làng nghề trong việc định hướng thông tin thị trường, xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết để tạo đầu ra ổn định sản phẩm”, “hết sức quan tâm đến việc phát triển ngành du lịch theo hướng gắn kết chặt chẽ với các làng nghề nhằm đưa những sản phẩm của làng nghề đến tay du khách” [14].

Ông Fumio Kato - Giám đốc dự án JICA tại Quảng Nam (tổ chức hỗ trợ rất nhiều làng nghề truyền thống) nhấn mạnh: “*Đề sản phẩm làng nghề phát triển cần về tố tài chính, kỹ thuật, tay nghề chuyên môn, trong đó vai trò của nghệ nhân rất quan trọng, mang tính quyết định. Để hiện thực điều đó, Quảng Nam đã mở nhiều sự kiện giao lưu văn hóa, kinh tế với các nước, như: Hàn Quốc, Nhật Bản... kêu gọi sự hỗ trợ về kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... để sản xuất ra những sản phẩm tinh xảo, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng*” [16].

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2018-ĐN05-17.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Bội Liên, Trần Văn An, Nguyễn Văn Phi (1991), “Ghe bầu Hội An – Xứ Quảng”. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Đô thị cổ Hội An”*, NXB Khoa học xã hội.
- [2] Phạm Hữu Đăng Đạt (2003), *Chuyện kể làng nghề đất Quảng*, NXB Đà Nẵng.
- [3] Phạm Hữu Đăng Đạt (2013), *Chuyện xưa đất Quảng*, NXB Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Phước Tương (2003), *Bà chúa Tâm Tang xứ Quảng*, NXB Đà Nẵng.
- [5] Hồ Vũ Thị Minh Châu (2004), “Nghề ươm tơ dệt lụa làng Thi Lai (xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam) từ thế kỷ XVII đến năm 2002”, *Luận văn Thạc sĩ sử học*, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.
- [6] Võ Văn Hòa, Hồ Tấn Tuấn, Lưu Anh Rô (2007), *Văn hóa xứ Quảng một góc nhìn*, NXB Đà Nẵng.
- [7] Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2008), *Nghề truyền thống Hội An, Quảng Nam*. Tác phẩm đã giới thiệu khá đầy đủ về nghề truyền thống tại Hội An. Nhóm tác giả tiếp cận khá nhiều tư liệu về các nghề truyền thống tại Hội An.
- [8] Hàn Thị Thảo (2008), “Sự phát triển của làng gốm Thanh Hà (Hội An, Quảng Nam) từ năm 2000 đến nay”, *Đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học*, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.
- [9] Hội văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng (2009), *Nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng*, NXB Đà Nẵng.
- [10] Nguyễn Thanh Lợi (2015), “Ghe bầu xứ Quảng”. *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng*, số (61).
- [11] Nguyễn Minh Phương (2018), “Thủ công nghiệp Quảng Nam – Đà Nẵng (1802-1945)”, *Luận án Tiến sĩ Sử học*, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế.
- [12] Võ Văn Hòa (2014), “Phát triển tiểu thủ công nghiệp huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam”, *Luận văn thạc sĩ kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.
- [13] Lê Thị Thu Hiền, “Tìm hướng phát triển du lịch làng nghề tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam”, *Tạp chí Tài chính*, 7/2016.
- [14] Song Anh, “Làng nghề Quảng và cái nhìn vào trong”, *Báo Quảng Nam cuối tuần*, ngày 08/4/2017.
- [15] Trần Hiền, “Thực trạng phát triển của làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh”, *nongthonmoi.net*, ngày 28/9/2017.
- [16] Minh Trí, “Đề làng nghề xứ Quảng vươn xa”, *Báo Công an Đà Nẵng*, ngày 05/01/2019.
- [17] Trần Quốc Vương, Đỗ Thị Hào (2000), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, NXB Văn hóa Thông tin, tr. 16.
- [18] Lâm Nguyễn, “128 quốc gia nhập khẩu gỗ và lâm sản của Việt Nam”, *báo Kinh tế và Đô thị*, ngày 12/9/2019.
- [19] “Quảng Nam khôi phục làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch”. *Báo Nhân dân*, ngày 05/02/2014.
- [20] UBND tỉnh Quảng Nam. *Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 7/4/2015 về việc phê duyệt Đề án phát triển làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2015 – 2020*.
- [21] Lương Thị Thủy, “UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức Hội nghị phát triển làng nghề gắn với chương trình Xây dựng nông thôn mới”, <http://smpntpt.quangnam.gov.vn/>, ngày 16/3/2017.
- [22] UBND tỉnh Quảng Nam. *Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 về việc phê duyệt Đề án “Môi xa mô sản phẩm (OCOP)*.